

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 – HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2025/DSST
Ngày 26 tháng 9 năm 2025
V/v ly hôn, con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC I - TỈNH HƯNG YÊN
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Nguyễn Đồng D

- *Các hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Quang C

Bà Dương Thị Thu H

Thư ký Toà án phiên toà: Ông Dương Mạnh Hùng – Thư ký Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực I – Hưng Yên tham gia phiên toà: Ông
Đỗ Văn T - Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 9 năm 2025, tại Trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 1- Hưng Yên xét
xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 78/2025/TLST-HNGĐ ngày 13/8/2025 về
việc giải quyết ly hôn, con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2025/HNGĐ -
QĐXX ngày 11/9/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Lâm O – 2001

Địa chỉ: Hậu Trung 1, Tiên Hưng, Hưng Yên

Bên được nguyên đơn ủy quyền:

Công ty luật TNHH Luật Gia Vũ

Đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Văn N – giám đốc

Địa chỉ: 210 Nguyễn Trãi, Đại Mỗ, Hà Nội

Người được ủy quyền lại: Ông Đàm Xuân V

Địa chỉ: 210 Nguyễn Trãi, Đại Mỗ, Hà Nội

Bị đơn: Anh Phạm Duy Đ - 1994

Trú tại: Nhân V, Nguyễn Trãi, Hưng Yên

Hiện đang bị tạm giam tại trại tam giam số 01 công an TP Hà Nội

Người có QLNVLQ: Cháu Phạm Duy Minh N, sinh năm 2024

Người đại diện cho cháu Nhất: Chị O

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 13/08/2025 của chị O và các lời khai của chị O, anh Đ
trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện như sau:

Chị Nguyễn Thị Lâm O và anh Phạm Duy Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng
ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nguyễn Trãi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên (nay là xã

Nguyễn Trãi, tỉnh Hưng Yên) vào năm 2023. Vợ chồng ở với nhau được khoảng 04 tháng thì đến tháng 07/2023 anh Đ bắt đầu chơi cờ bạc trên mạng, không có việc làm ổn định, vay tiền khắp nơi khiến cuộc sống gia đình lâm vào bế tắc, nhiều tài sản trong gia đình lần lượt bị anh Đ mang đi bán để lấy tiền đánh bạc, chị O đã phải trả nợ thay anh Đ cũng như chuộc lại những tài sản mà anh Đ mang đi cầm cố, sau khi sinh con bản thân anh Đ cũng không có thay đổi gì, mặc dù gia đình cũng đã khuyên bảo nhưng anh Đ không thay đổi, từ tháng 03/2025 vợ chồng đã sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ, tháng 07/2025 anh Đ trộm cắp tài sản, bị công an phường Văn Miếu Quốc Tử Giám, Hà Nội bắt và đang bị tạm giam tại trại giam số 1 công an thành phố Hà Nội. Do không còn tình cảm nên chị O đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ. Anh Đ xác định nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng xuất phát từ phía anh, do anh mãi chơi đã dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt, vợ chồng không tự giải quyết được những mâu thuẫn đang tồn tại, tháng 07/2025 đến nay vợ chồng sống ly thân, hiện anh đang bị tạm giam tại trại tạm giam số 01 công an thành phố Hà Nội về tội Trộm cắp tài sản, anh đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt.

Về con chung: Chị O, anh Đ có 01 con chung tên Phạm Duy Minh N, sinh năm 2024, hai bên đều có nguyện vọng nuôi con chung và không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, công nợ, công sức: Chị O, anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết,

Đại diện gia đình chị O (ông Khiên, bà Thắm) trình bày: Chị O và anh Đ kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian thì có nhiều mâu thuẫn nảy sinh, gia đình, họ hàng đã nhiều lần hòa giải nhưng đều không đạt được kết quả, mâu thuẫn trầm trọng nên sau khi sinh con được khoảng 01 tháng, để bảo đảm an toàn cho hai mẹ con, gia đình đã đưa chị O và cháu N về nhà sinh sống và ổn định tại đó cho đến nay, gia đình đề nghị Tòa án giải quyết cho chị O được ly hôn anh Đ, được nuôi dưỡng cháu N.

Biên bản xác minh với ủy ban nhân dân xã Nguyễn Trãi thể hiện: Chị O và anh Đ có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại địa phương. Mâu thuẫn vợ chồng chị O, anh Đ như thế nào địa phương không nắm được, theo báo cáo của công an xã Nguyễn Trãi thì anh Đ bị công an thành phố Hà Nội khởi tố về tội trộm cắp tài sản vào tháng 7/2025, hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam số 01 công an thành phố Hà Nội. Vợ chồng chị O có 01 con chung tên Phạm Duy Minh N, sinh năm 2024, cháu N đang ở cùng chị O. Vợ chồng chị O có hay không có tài sản chung địa phương không nắm được.

Tại phiên tòa, chị O, anh Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định chung của Bộ luật tố tụng dân sự.

Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Đã cơ bản chấp hành đúng các quy định tại Điều 48 BLTTDS trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định.

Quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 228, 238 BLTTDS; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56,

Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 01 ngày 16/5/2024 hướng dẫn một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình. Đề nghị xử

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Lâm O được ly hôn anh Phạm Duy Đ.

Về con chung: Giao cho chị O nuôi dưỡng cháu Phạm Duy Minh N, sinh năm 2024 đến tuổi thành niên, anh Đ không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị O, anh Đ có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị O phải chịu án phí DSST theo quy định

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi đã nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về thẩm quyền*: Chị Nguyễn Thị Lâm O có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án xem xét giải quyết ly hôn và con chung giữa chị với anh Phạm Duy Đ. Tòa án xác định đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Bị đơn trong vụ án là anh Phạm Duy Đ có hộ khẩu thường trú tại Thôn Nhân V, xã Nguyễn Trãi, tỉnh Hưng Yên nên căn cứ vào Điều 28; Điều 35 của BLTTDS và Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của Tòa án nhân dân các cấp, Tòa án nhân dân khu vực 1 – Hưng Yên thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật.

[2] *Về việc kết hôn của chị O, anh Đ*: Chị O, anh Đ lấy nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nguyễn Trãi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên (nay là xã Nguyễn Trãi, tỉnh Hưng Yên) vào năm 2023, việc kết hôn của anh chị đảm bảo các quy định của pháp luật. Do vậy hôn nhân của chị O, anh Đ là hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Chị O có đơn xin ly hôn sẽ áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[3] *Về mâu thuẫn vợ chồng*: Qua lời khai của các đương sự cũng như quan điểm của đại diện gia đình chị O, xác minh với chính quyền địa phương thấy rằng thực tế cuộc sống vợ chồng chị O, anh Đ không hoà thuận, không có hạnh phúc, vợ chồng tồn tại nhiều mâu thuẫn, hai bên không tự giải quyết được, anh Đ có nguyện vọng mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng bản thân anh hiện nay đang bị tạm giam trong vụ án hình sự, không đưa ra được giải pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng, chị O vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị được ly hôn. Điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn tồn tại đã quá trầm trọng, hạnh phúc hôn nhân không thể duy trì nên căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xét thấy chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị O là phù hợp với thực tế cuộc sống vợ chồng và pháp luật.

[4] *Về mâu thuẫn vợ chồng*: Chị O, anh Đ có 01 con chung tên Phạm Duy Minh N, sinh năm 2024. Chị O và anh Đ đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung đến tuổi thành niên, quan điểm, nguyện vọng của anh, chị là chính đáng, thể hiện được tình cảm cũng như trách nhiệm của người làm cha, làm mẹ đối với con chưa thành niên, tuy nhiên hiện nay anh Đ đang bị tạm giam, nếu giao con cho anh Đ nuôi dưỡng sẽ không đảm bảo được cuộc sống cũng như sự phát triển cho cháu N, chị O có công việc, thu

nhập và nơi ở ổn định, mặt khác cháu N còn nhỏ, dưới 36 tháng tuổi, vì vậy để đảm bảo về mọi mặt cho cháu N, cần thiết giao cháu N cho chị O nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Ghi nhận sự tự nguyện của chị O về việc không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

[5] *Về tài sản chung, công nợ, công sức*: Các đương sự không có yêu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6] *Về án phí*: Chị O phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51, khoản 1 Điều 55, Điều 81,82,83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227; khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 của BLTTDS, Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân gia đình, Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của Tòa án nhân dân các cấp, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Nguyễn Thị Lâm O được ly hôn anh Phạm Duy Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Duy Minh N, sinh năm 2024 cho chị O trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Đ không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị O, anh Đ có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung, công nợ, công sức: Không giải quyết.

4. Về án phí: Chị O phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm dân sự ly hôn đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị O đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000580 ngày 14/8/2025 của cục thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên, chị O đã nộp đủ án phí

5. Về quyền kháng cáo: Chị O, anh Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Nơi nhận

- Phòng Giám đốc, kiểm tra, thanh tra và thi hành án tỉnh;
- VKS khu vực I- Hưng Yên;
- Các đương sự;
- UBND xã Nguyễn Trãi, Hưng Yên;
- Thị hành án dân sự tỉnh;
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đồng Dục

